

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2997/TTr-SNN ngày 25 tháng 10 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 11 thủ tục hành chính và bãi bỏ 24 thủ tục (trong đó có 05 thủ tục bãi bỏ do được thay thế) trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2019.

Bãi bỏ Quyết định số 5694/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được chuẩn hóa tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KS TTHC (Văn phòng Chính phủ);
- TTUB: CT;
- TT Công báo; TT Tin học;
- Lưu: VT, (KSTT/L). 07



Nguyễn Thành Phong



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 5219/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố*

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực lâm nghiệp						
1	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét; - Trước 15 ngày của kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh)	Không	- Điều 40 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố.

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phi, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		xem xét, quyết định chủ trương chuyển loại rừng. Sau 15 ngày của kỳ họp, Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về chủ trương chuyển loại rừng; - Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi có quyết định chủ trương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển loại rừng				
2	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	23 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: 176 Hai Bà	Không	- Điều 13 Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phương án quản lý rừng bền	1. Chủ rừng được quy định tại điều 11, điều 12 Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 không

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Trung, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh)		vùng - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	thuộc đối tượng thực hiện TTHC này: + Chủ rừng là tổ chức quản lý rừng đặc dụng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn + Chủ rừng là tổ chức kinh tế được nhà nước cho thuê đất để trồng rừng sản xuất bằng vốn tự đầu tư; chủ rừng là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước cho thuê đất để trồng rừng sản xuất tự phê duyệt và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững 2. Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan phối hợp: Sở Tài

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phi, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.
3	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	15 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh)	Không	- Điều 75 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cơ quan giải quyết thủ tục: - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.
4	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ	50 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: 176	Không	- Điều 23 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: Sở Nông nghiệp và

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh)		nghiệp - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phát triển nông thôn. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.
5	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét; Trước 15 ngày của kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất, Ủy ban	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh)	Không	- Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố.

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
		nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Sau 15 ngày của kỳ họp, Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác				

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CHI CỤC KIỂM LÂM

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Đăng ký mã số cơ sở trại nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III CITES	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng, cơ quan cấp mã số chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện, nhưng thời hạn cấp không quá 30 ngày	Chi cục Kiểm lâm (Địa chỉ: 01 Đỗ Ngọc Thạnh, Phường 14, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh)	Không	- Điều 18 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp - Quyết định số 818/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/3/2019 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	07 ngày làm việc	Chi cục Kiểm lâm (Địa chỉ: 01 Đỗ Ngọc Thạnh, Phường 14, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh)	Không	- Điều 11 Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 về việc công bố thủ tục hành	

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
3	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	18 ngày làm việc	Chi cục Kiểm lâm (Địa chỉ: 01 Đỗ Ngọc Thạnh, Phường 14, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh)	Công nhận lâm phần tuyển chọn là 600.000 đồng/01 giống; công nhận vườn giống là 2.400.000 đồng/01 vườn giống; công nhận nguồn gốc lô giống, lô con giống là 600.000 đồng/01 lô giống (theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống, nguồn giống và quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục 	<ul style="list-style-type: none"> Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: Chi cục Kiểm lâm - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phi, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
4	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	<p>Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu hỗ trợ gửi văn bản đề nghị hỗ trợ, kèm theo văn kiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ban điều hành Quỹ (Chi cục Kiểm lâm);</p> <p>Trước ngày 25 tháng 02 hằng năm, Chi cục Kiểm lâm chủ trì, phối hợp với các Cơ quan chức năng tổ chức thẩm định, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;</p>	Chi cục Kiểm lâm (Địa chỉ: 01 Đỗ Ngọc Thạnh, Phường 14, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh)	Không	<p>- Điều 84 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp</p> <p>- Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p> <p>- Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 25/3/2017 của UBND Thành phố về phân công Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thay thế Chi cục Lâm nghiệp làm thay nhiệm vụ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố</p>	

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		Trong thời hạn 03 ngày làm việc, sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, Giám đốc Quỹ thông báo qua dịch vụ bưu chính cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được hỗ trợ biết để triển khai thực hiện.				
5	Xác nhận bảng kê lâm sản	<p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh xác nhận bảng kê lâm sản hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không xác nhận và nêu rõ lý do;</p> <p>- Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh thông báo cho chủ lâm sản.</p> <p>Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh tiến hành</p>	Chi cục Kiểm lâm (Địa chỉ: 01 Đỗ Ngọc Thạnh, Phường 14, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh)	Không	<p>- Điều 7 Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản</p> <p>- Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>	

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
		<p>xác minh, kiểm tra nguồn gốc lâm sản; trường hợp phức tạp, việc xác minh, kiểm tra nguồn gốc lâm sản được thực hiện không quá 05 ngày làm việc.</p> <p>Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc xác minh, Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh xác nhận bằng kê lâm sản và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không xác nhận và nêu rõ lý do.</p>				

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA HẠT KIỂM LÂM

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Xác nhận bảng kê lâm sản	<p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Hạt Kiểm lâm cấp huyện xác nhận bảng kê lâm sản hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không xác nhận và nêu rõ lý do.</p> <p>- Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Hạt Kiểm lâm cấp huyện thông báo cho chủ lâm sản.</p> <p>Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, Hạt Kiểm lâm cấp huyện tiến hành xác minh, kiểm tra nguồn gốc lâm sản; trường hợp phức tạp, việc xác minh, kiểm tra nguồn gốc lâm sản được thực hiện không quá 05 ngày làm việc.</p> <p>Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc xác minh, Hạt Kiểm lâm cấp huyện xác nhận bảng kê lâm sản và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không xác nhận và nêu rõ lý do.</p>	<p>- Hạt Kiểm lâm Cần Giờ (Địa chỉ: Khu phố Giồng Ao, thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh);</p> <p>- Hạt Kiểm lâm Củ Chi (Địa chỉ: ấp Chợ Củ 2, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh)</p>	Không	<p>- Điều 7 Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản</p> <p>- Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>

D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, CHI CỤC KIỂM LÂM, HẠT KIỂM LÂM, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
I. Thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
1		Thủ tục thẩm định và phê duyệt dự án lâm sinh (đối với tổ chức thuộc tỉnh quản lý).	Thông tư 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh.
2		Thủ tục miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ môi trường nằm trong phạm vi hành chính của tỉnh).	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp. (Bãi bỏ do được thay thế bởi thủ tục Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh))
3		Thủ tục Thẩm định, phê duyệt Phương án trồng rừng mới bãi bỏ diện tích rừng chuyển sang mục đích khác.	Thông tư 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.
II. Thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Chi cục Kiểm lâm			
1		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại phụ lục II, III của CITES.	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. (Bãi bỏ do được thay thế bởi thủ tục Đăng ký mã số cơ sở trại nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III CITES)

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
2		Thủ tục đóng búa Kiểm lâm (nơi không có Hạt Kiểm lâm).	Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.
3		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trại nuôi Gấu.	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
4		Thủ tục giao nộp Gấu cho nhà nước.	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
5		Thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển Gấu.	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
6		Thủ tục xác nhận của Chi cục Kiểm lâm đối với (nơi không có Hạt Kiểm lâm): lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản sau chế biến; lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các điểm không cùng trên một địa bàn thành phố; động vật rừng được gây nuôi trong nước và bộ phận, dẫn xuất của chúng.	Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản. (Bãi bỏ do được thay thế bởi thủ tục Xác nhận bảng kê lâm sản)
7		Thủ tục xác nhận của Chi cục Kiểm lâm (nơi không có Hạt Kiểm lâm) đối với: cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu; cây xử lý tịch thu.	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
8		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại - nuôi mới (nơi không có Hạt Kiểm lâm).	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
9		Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại (nơi không có Hạt Kiểm lâm).	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
10		Thủ tục cấp bổ sung Giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại (nơi không có Hạt Kiểm lâm).	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
11		Thủ tục Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (gồm công nhận: cây trội; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyên hóa; rừng giống trồng; cây đầu giống; vườn giống).	Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính. (Bãi bỏ do được thay thế bởi thủ tục Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp)
12		Thủ tục Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con	Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính.
13		Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống cây trồng lâm nghiệp.	Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
III. Thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Hạt Kiểm lâm			
1		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại (nuôi mới).	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
2		Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại.	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
3		Thủ tục cấp bổ sung Giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại.	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
4		Thủ tục đóng búa Kiểm lâm.	Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.
5		Thủ tục xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với: lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản sau chế biến; lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các điểm không cùng trên một địa bàn thành phố; động vật rừng được gây nuôi trong nước và bộ phận, dẫn xuất của chúng.	Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản. (Bãi bỏ do được thay thế bởi thủ tục Xác nhận bảng kê lâm sản)
6		Thủ tục xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với: cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu; cây xử lý	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
		tịch thu.	
IV. Thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân Cấp xã			
1		Thủ tục xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp Xã đối với: Cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức xuất ra.	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp.
2		Thủ tục xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp Xã đối với: Cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên trong nước, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, trồng phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra.	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp.